

Bản án số: 15/2020/HNGĐ-PT.

Ngày: 06-8-2020

V/ v: Ly hôn, nuôi con chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Phương.

Các Thẩm phán:

Bà Dương Thị Liên

Bà Nguyễn Thị Thủy

-Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Phương Anh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên: Bà Đỗ Thị Ánh Vân
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 06 tháng 8 năm 2020 Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 12/2020/TLPT-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2020 về ly hôn.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 02/2020/HNGĐ-ST ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Nguyên bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 18/2020/QĐXX-PT ngày 23 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Bàn Thanh K, sinh 1995 (Có mặt)

Địa chỉ: Xóm NP, xã VC, huyện V, tỉnh Thái Nguyên

2. Bị đơn: Anh Triệu Sinh Q, sinh năm 1993 (Có mặt)

Địa chỉ: Xóm NR, xã VC, huyện V, tỉnh Thái Nguyên

3. Người kháng cáo: Anh Triệu Sinh Q là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm nguyên đơn chị Bàn Thanh K trình bày :

Chị K và anh Q tổ chức kết hôn năm 2013 theo tập quán địa phương và đăng ký kết hôn năm 2014 tại UBND xã VC, huyện V, tỉnh Thái Nguyên. Hôn nhân là tự nguyện, không bị ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng bố mẹ chồng, hạnh phúc được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, hai vợ chồng không còn tiếng nói chung, nguyên nhân là do anh Q chơi bời, không tu chí làm ăn, không quan tâm đến vợ, con, hay đánh đập chị và còn đuổi chị ra khỏi nhà, hiện nay công việc mỗi người một nơi không còn chung sống với nhau, chị K

về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 12/2017. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Q để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có một con chung là Triệu Đức B, sinh ngày 23/10/2014. Chị nhận nuôi con không yêu cầu anh Q cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung, tài sản cho vay: chị K xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Q trình bày như sau: Anh Q công nhận những thông tin về việc kết hôn như chị K trình bày là đúng. Về mâu thuẫn vợ chồng anh Q cũng thừa nhận từ 2 năm trước do anh không tu chí làm ăn nên từ năm 2017 anh và chị K đã sống ly thân, đến nay chị K không còn tình cảm với anh nữa, chị K làm đơn xin ly hôn anh không nhất trí ly hôn. Trường hợp chị K không về đoàn tụ Tòa án xét xử buộc anh và chị ly hôn anh có nguyện vọng nuôi con yêu cầu chị K cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung, tài sản cho vay: Anh xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Với nội dung trên, tại bản án số 02/2020/HNGĐ-ST ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Nguyên đã xét xử và quyết định: Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, 147, 271, 273, 278, 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 51, 53, 56, 58, 81.82,83 Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Bàn Thanh K ly hôn với anh Triệu Sinh Q. Chị Bàn Thanh K được ly hôn với anh Triệu Sinh Q.

2. Về con chung: Giao cháu Triệu Đức B, sinh ngày 23/10/2014 cho chị K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, đến khi con đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Anh Q có quyền đi lại thăm nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Tạm hoãn đóng góp cấp dưỡng nuôi con đối với anh Q, do chị K không yêu cầu.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên đều xác định không có. HĐXX không xem xét giải quyết.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 25 tháng 5 năm 2020 anh Triệu Sinh Q có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, đề nghị được trực tiếp nuôi con chung Triệu Đức B, sinh ngày 23/10/2014.

Tại phiên tòa phúc thẩm anh Q giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Anh Q trình bày: chị Khiện nay không có nghề nghiệp ổn định, sống phụ thuộc vào gia đình bố mẹ đẻ, điều kiện kinh tế còn phụ thuộc, điều kiện đi lại khó khăn. Anh Q ngoài công việc làm ruộng còn kinh doanh giống cây keo thu nhập trung bình 07 triệu đến 08 triệu/tháng. Cháu B từ nhỏ đến nay ở với anh cùng gia đình bố mẹ đẻ, gần trường học, có điều kiện cho con học tập tốt hơn. Anh Q xin được trực tiếp trông nom chăm sóc con chung và không yêu cầu chị K cấp dưỡng nuôi con.

Chị K xác định hiện nay chị ở chung với bố mẹ đẻ của chị, có chỗ ở ổn định, chị làm ruộng thu nhập mỗi tháng từ 3 triệu đến 4 triệu/1 tháng. Anh Q có nguyện vọng nuôi con, không yêu cầu chị cấp dưỡng nuôi con thì chị nhất trí giao con chung cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát phát biểu sự tuân theo pháp luật của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án. Tại phiên tòa anh Q và chị K đã thỏa thuận với nhau về việc nuôi con chung, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309; Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; Chấp nhận kháng cáo của anh Triệu Sinh Q. Sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Nguyên. Công nhận sự thỏa thuận giữa chị Bàn Thị K và anh Triệu Sinh Q về việc chăm sóc giáo dục con chung. Anh Q không phải chịu án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

[1.] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của anh Triệu Sinh Q làm trong hạn luật định, đã nộp dự phí kháng cáo nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2.] Về nội dung: Xét kháng cáo của anh Triệu Sinh Q, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Về quan hệ hôn nhân: Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Bàn Thanh K. Chị Bàn Thanh K được ly hôn với anh Triệu Sinh Q. Sau khi xét xử sơ thẩm hai bên không kháng cáo nội dung này, nên cấp phúc thẩm không xem xét.

Về con chung: Chị K và anh Q trong quá trình chung sống có một con chung là Triệu Đức B sinh ngày 23/10/2014. Hiện nay cháu B đang ở cùng anh Q. Tại phiên tòa phúc thẩm, chị K và anh Q đã thỏa thuận về việc giao cho anh Q trực tiếp chăm sóc con chung Triệu Đức B và anh Q không yêu cầu chị K phải cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử thấy, việc thỏa thuận trách nhiệm chăm sóc con chung giữa chị K và anh Q là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội, phù hợp với điều kiện sinh sống và học tập của cháu B nên được chấp nhận. Căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308, Bộ luật tố tụng dân sự. Sửa bản án sơ thẩm, công nhận thỏa thuận của các đương sự.

Giao cháu Triệu Đức B, sinh ngày 23/10/2014 cho anh Triệu Sinh Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, đến khi con đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Chị K có quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Tạm hoãn đóng góp cấp dưỡng nuôi con đối với chị K, do anh Q không yêu cầu.

Án phí: Anh Q không phải chịu án phí phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị. Hội đồng xét xử không xem xét.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tại phiên tòa là có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 300; khoản 2 Điều 308; Điều 309; Điều 147, Điều 148 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Chấp nhận đơn kháng cáo anh Triệu Sinh Q. Công nhận sự thỏa thuận của anh Triệu Sinh Q và chị Bàn Thanh K về việc nuôi con chung.

Sửa bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 02/2020/HNGĐ -ST ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; 147; 271; 273; 278; 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 51; 53; 56; 58; 81;82; 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Bàn Thanh K ly hôn với anh Triệu Sinh Q. Chị Bàn Thanh K được ly hôn với anh Triệu Sinh Q.

2. Về con chung: Giao cháu Triệu Đức B, sinh ngày 23/10/2014 cho anh Triệu Sinh Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, đến khi con đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Chị Bàn Thanh K có quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Tạm hoãn đóng góp cấp dưỡng nuôi con đối với chị K, do anh Q không yêu cầu.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên đều xác định không có. HĐXX không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Bàn Thanh K phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ tại biên lai thu số 0007560, ngày 17 tháng 12 năm 2019 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện V, tỉnh Thái Nguyên.

Anh Triệu Sinh Q không phải chịu án phí ly hôn phúc thẩm, được trả lại số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Thái Nguyên, theo biên lai thu số 0007674 ngày 16/6/2020.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- TAND huyện V;
- THADS huyện V;
- Các đương sự;
- Lưu HS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hồng Phương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Thị Liên - Nguyễn Thị Thủy

Lê Thị Hồng Phương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bằng Công Hiệp- Nguyễn Thị Thủy

Lê Thị Hồng Phương

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH THÁI NGUYÊN Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: /2020/HNGĐ-PT.

Ngày: 18/6/2020

V/ v: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Đức Thuận.

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Hồng Phương và

-Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên: Bà Đỗ Thị Ánh Vân
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 18 tháng 6 năm 2020 Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 07/2020/TLPT-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2020 về ly hôn.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 02/2020/HNGĐ-ST ngày 20 tháng 02 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 13/2020/QĐXX-PT ngày 05 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Ma Thị Vững, năm sinh năm 1990.

HKTT: Xóm Cây Thị, xã Tức Tranh, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt)

2. Bị đơn: Anh Lê Quang Vịnh, sinh năm 1989.

HKTT: Xóm Cây Thị, xã Tức Tranh, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt)

3. Người kháng cáo: Chị Ma Thị Vững là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo bản án sơ thẩm nguyên đơn chị Ma Thị Vững trình bày: Chị kết hôn với anh Vịnh năm 2012, trước khi kết hôn hai anh chị được tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tức Tranh, huyện Phú Lương và được tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại xóm Cây Thị, xã Tức Tranh. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hoàn cảnh kinh tế và tính cách không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cãi vã. Từ tháng 7/2019 thì hai vợ chồng ly thân cho đến nay. Hiện tại chị Vững đã về nhà bố mẹ đẻ ở. Chị Vững xác định không còn tình cảm với anh Vịnh và đề nghị Tòa giải quyết cho được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Lê Thanh Hải, sinh ngày 02/9/2013, hiện con đang ở với anh Vịnh. Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi con, không yêu cầu anh Vịnh cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Vững xác định không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Bị đơn anh Lê Quang Vịnh trình bày: Thời gian kết hôn như chị Vững trình bày là đúng. Quá trình chung sống cũng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị Vững không chăm lo xây dựng cho gia đình và mâu thuẫn về kinh tế. Từ ngày 19/7/2019 vợ chồng tranh cãi nên chị Vững bỏ đi, từ đó vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Anh xác định tình cảm không còn được như trước nhưng có mong muốn chị Vững về đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con. Về việc chị Vững nuôi con anh không nhất trí.

Về con chung: Như chị Vững trình bày là đúng. Khi ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi con, không yêu cầu chị Vững cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Với nội dung trên, tại bản án số 02/2020/HNGĐ-ST ngày 20 tháng 02 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên đã xét xử và quyết định: Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 271 và Điều 273 của BLTTDS và các điều 51, 53, 56, 58, 81,82,

83Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ma Thị Vũng. Chị Ma Thị Vũng được ly hôn anh Lê Quang Vịnh.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Thanh Hải, sinh ngày 02/9/2013 cho anh Vịnh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc đóng góp phí tổn nuôi con chung đối với chị Ma Thị Vũng. Chị Vũng được quyền đi lại thăm con chung.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về án phí: Chị Ma Thị Vũng phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 004010 ngày 17/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Lương.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 28/02/2020 chị Ma Thị Vũng có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, đề nghị được trực tiếp nuôi con chung Lê Thanh Hải, sinh ngày 02/9/2013.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

[1.] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của chị Vũng làm trong hạn luật định, đã nộp dự phí kháng cáo là hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2.] Về nội dung: Xét kháng cáo của chị Vũng về việc xin nuôi con, Hội đồng xét xử thấy rằng: Mong muốn xin nuôi con là cháu Lê Thanh Hải, sinh ngày 02/9/2013 của chị Vũng là chính đáng. Tuy nhiên tại cấp phúc thẩm chị Vũng không xuất trình thêm tài liệu chứng cứ mới để làm căn cứ thay đổi về việc xin nuôi con của chị. Hội đồng xét xử nhận thấy chị Vũng và anh Vịnh đều có điều kiện kinh tế như nhau để đảm B việc chăm sóc con chung. Nhưng xem xét một cách toàn diện anh Vịnh hiện đang làm kinh doanh tự do, có nhà cửa, thu nhập ổn định, có nhiều thời gian dành cho con hơn, hiện cháu Hải đang đi học ổn định và ở gần nhà. Do vậy đề B đảm cho cháu Hải phát triển tốt nhất về mọi mặt cần giao cháu Hải cho anh Vịnh trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục như quyết định Tòa án sơ thẩm là có căn cứ, phù hợp với thực tế.

[3.] Về mức cấp dưỡng: Trong đơn kháng cáo và tại phiên tòa hôm nay chị Vũng không kháng cáo về việc cấp dưỡng do vậy HĐXX không xem xét, giải quyết.

[4.] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Vũng anh Vịnh đều xác định không có, không đề nghị xem xét giải quyết.

[5.] Về án phí: Chị Vũng phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[6.] Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện VKS phát biểu sự tuân theo pháp luật của thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của chị Vũng, giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Phú Lương,

tỉnh Thái Nguyên là có căn cứ. Về án phí, chị Vũng phải chịu án phí ly hôn phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bác kháng cáo của chị Ma Thị Vũng, giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 02/2020/HNGĐ-ST ngày 20 tháng 02 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Ma Thị Vũng, Chị Ma Thị Vũng được ly hôn với anh Lê Quang Vịnh.

2. Về con chung: Giao cho anh Lê Quang Vịnh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Lê Thanh Hải, sinh ngày 02/9/2013 cho đến khi cháu Hải trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác. Chị Vũng có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho chị Vũng do anh Vịnh chưa có yêu cầu.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Vũng, anh Vịnh không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Ma Thị Vũng phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, xác nhận chị Vũng đã nộp đủ theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0004010 ngày 17 tháng 12 năm 2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên. Chị Ma Thị Vũng phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn phúc thẩm, xác nhận chị Vũng đã nộp đủ theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0004059 ngày 09 tháng 3 năm 2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhân:

- VKS ND tỉnh Thái Nguyên;
- TAND huyện Phú Lương;
- THADS huyện Phú Lương;
- UBND xã Tức Tranh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Đức Thuận

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH THÁI NGUYÊN Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: /2020/HNGĐ-PT.

Ngày: 18/6/2020

V/ v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Đức Thuận.

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Hồng Phương và

-Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên: Bà Đỗ Thị Ánh Vân- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 18 tháng 6 năm 2020 Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 07/2020/TLPT-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2020 về ly hôn.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 02/2020/HNGĐ-ST ngày 20 tháng 02 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 13/2020/QĐXX-PT ngày 05 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Ma Thị Vững, năm sinh năm 1990.

HKTT: Xóm Cây Thị, xã Tứ Tranh, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt)

2. Bị đơn: Anh Lê Quang Vịnh, sinh năm 1989.

HKTT: Xóm Cây Thị, xã Tứ Tranh, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt)

3. Người kháng cáo: Chị Ma Thị Vững là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo bản án sơ thẩm nguyên đơn chị Ma Thị Vững trình bày: Chị kết hôn với anh Vịnh năm 2012, trước khi kết hôn hai anh chị được tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tứ Tranh, huyện Phú Lương và được tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại xóm Cây Thị, xã Tứ Tranh. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hoàn cảnh kinh tế và tính cách không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cãi vã. Từ tháng 7/2019 thì hai vợ chồng ly thân cho đến nay. Hiện tại chị Vững đã về nhà bố mẹ để ở. Chị Vững xác định không còn tình cảm với anh Vịnh và đề nghị Tòa giải quyết cho được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Lê Thanh Hải, sinh ngày 02/9/2013, hiện con đang ở với anh Vịnh. Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi con, không yêu cầu anh Vịnh cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Vững xác định không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Bị đơn anh Lê Quang Vịnh trình bày: Thời gian kết hôn như chị Vững trình bày là đúng. Quá trình chung sống cũng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị Vững không chăm lo xây dựng cho gia đình và mâu thuẫn về kinh tế. Từ ngày 19/7/2019 vợ chồng tranh cãi nên chị Vững bỏ đi, từ đó vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Anh xác định tình cảm không còn được như trước nhưng có mong muốn chị Vững về đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con. Về việc chị Vững nuôi con anh không nhất trí.

Về con chung: Như chị Vững trình bày là đúng. Khi ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi con, không yêu cầu chị Vững cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Với nội dung trên, tại bản án số 02/2020/HNGĐ-ST ngày 20 tháng 02 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên đã xét xử và quyết

định: Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 271 và Điều 273 của BLTTDS và các điều 51, 53, 56, 58,81,82, 83Luật Hôn nhân và gia đình;Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ma Thị Vững. Chị Ma Thị Vững được ly hôn anh Lê Quang Vịnh.

2. Về con chung:Giao cháu Lê Thanh Hải, sinh ngày 02/9/2013 cho anh Vịnh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc đóng góp phí tổn nuôi con chung đối với chị Ma Thị Vững. Chị Vững được quyền đi lại thăm con chung.

3. Về tài sản chung:Không có.

4. Về án phí: Chị Ma Thị Vững phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 004010 ngày 17/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Lương.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 28/02/2020chị Ma Thị Vữngcó đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, đề nghị được trực tiếp nuôi con chung Lê Thanh Hải, sinh ngày 02/9/2013.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

[1.] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của chị Vững làm trong hạn luật định, đã nộp đủ phí kháng cáo là hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2.] Về nội dung: Xét kháng cáo của chị Vững về việc xin nuôi con, Hội đồng xét xử thấy rằng: Mong muốn xin nuôi con là cháu Lê Thanh Hải, sinh ngày02/9/2013của chị Vữnglà chính đáng. Tuy nhiên tại cấp phúc thẩm chị Vững không xuất trình thêm tài liệu chứng cứ mới để làm căn cứ thay đổi về việc xin nuôi con của chị. Hội đồng xét xử nhận thấychị Vững và anh Vịnh đều có điều kiện kinh tế như nhau để đảm B việc chăm sóc con chung. Nhưng xem xét một cách toàn diện anh Vịnh hiện đang làm kinh doanh tự do, có nhà cửa, thu nhập ổn định, có nhiều thời gian dành cho con hơn, hiện cháu Hải đang đi học ổn định và ở gần nhà.Do vậy để B đảm cho cháu Hải phát triển tốt nhất về mọi mặt cần giao cháuHải cho anhVịnh trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục như quyết định Tòa án sơ thẩm là có căn cứ, phù hợp với thực tế.

[3]. Về mức cấp dưỡng: Trong đơn kháng cáo và tại phiên tòa hôm nay chị Vững không kháng cáo về việc cấp dưỡng do vậy HĐXX không xem xét, giải quyết.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Vững anh Vịnh đều xác định không có, không đề nghị xem xét giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị Vững phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[6]. Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện VKS phát biểu sự tuân theo pháp luật của thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của chị Vững, giữ

nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên là có căn cứ. Về án phí, chị Vũng phải chịu án phí ly hôn phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bác kháng cáo của chị Ma Thị Vũng, giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 02/2020/HNGĐ-ST ngày 20 tháng 02 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Ma Thị Vũng, Chị Ma Thị Vũng được ly hôn với anh Lê Quang Vịnh.

2. Về con chung: Giao cho anh Lê Quang Vịnh được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Lê Thanh Hải, sinh ngày 02/9/2013 cho đến khi cháu Hải trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác. Chị Vũng có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho chị Vũng do anh Vịnh chưa có yêu cầu.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Vũng, anh Vịnh không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Ma Thị Vũng phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, xác nhận chị Vũng đã nộp đủ theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0004010 ngày 17 tháng 12 năm 2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên. Chị Ma Thị Vũng phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn phúc thẩm, xác nhận chị Vũng đã nộp đủ theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0004059 ngày 09 tháng 3 năm 2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú , tỉnh Thái Nguyên.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhân:

- VKS ND tỉnh Thái Nguyên;
- TAND huyện Phú Lương;
- THADS huyện Phú Lương;
- UBND xã Tức Tranh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Đức Thuận

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Thái Nguyên, ngày 21 tháng 02 năm 2020

**BIÊN BẢN NGHỊ ÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Đức Thuận.

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Hồng Phương và ông Bằng Công Hiệp.

Căn cứ vào Điều 235 và Điều 264 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngày 21 tháng 02 năm 2020, tại phòng nghị án, Hội đồng xét xử đã tiến hành nghị án đối với vụ án hôn nhân gia đình phúc thẩm về việc: Ly hôn, giữa:

Nguyên đơn: Anh Lê Anh Dũng, sinh năm 1988.

HKTT: Xóm Vũ Chấn, xã Thượng Đình, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.

Bị đơn: Chị Bùi Thị Mai, sinh năm 1993.

HKTT: Xóm Vũ Chấn, xã Thượng Đình, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.

Chỗ ở hiện nay: Xóm Dũng Tiến, xã Dũng Phong, huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

Áp dụng khoản 1 Điều 308, Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 55, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bác kháng cáo của chị Bùi Thị Mai, giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 31/2019/HNGĐ-ST ngày 22 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của anh Dũng, anh Lê Anh Dũng được ly hôn với chị Bùi Thị Mai.

2. Về con chung: Giao cho anh Lê Anh Dũng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Lê Bùi Anh Minh, sinh ngày 10/9/2015 cho đến khi cháu Minh trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác. Chị Mai có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho chị Mai do anh Dũng chưa có yêu cầu.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh Dũng, chị Mai không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Anh Lê Anh Dũng phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, xác nhận anh Dũng đã nộp đủ theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000914 ngày 26 tháng 9 năm 2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên. Chị Bùi Thị Mai phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn phúc thẩm, xác nhận chị Mai đã nộp đủ theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000941 ngày 05 tháng 12 năm 2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Biên bản nghị án kết thúc vào hồi 10 giờ 30 phút cùng ngày,

Biên bản nghị án được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Hồng Phương

Bằng Công Hiệp

Bùi Đức Thuận

